

Số: 27 /BC-TV

Đắk Song, ngày 26 tháng 5 năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
ỨNG DỤNG CNTT VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 – 2023**

**I. Tình hình chung (đặc điểm tình hình, thuận lợi, khó khăn):**

**1. Thuận lợi.**

Trình độ dân trí của nhân dân tại địa phương đã được nâng cao rõ rệt, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương luôn có sự quan tâm đặc biệt tới giáo dục và đào tạo; các tổ chức xã hội: Hội khuyến học, Ban đại diện cha mẹ học sinh; các đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên,... có sự phối hợp tốt, từng bước tham gia tích cực, hiệu quả vào hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường.

Đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Học sinh ngoan ngoãn, chăm chỉ, vâng lời thầy cô, bố mẹ.

Công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ; công tác truyền thông trong giáo dục và đào tạo của nhà trường có thêm nhiều nhiều phương thức hơn để có thể đến từng nhà, tới từng người kịp thời.

**2. Khó khăn.**

Một bộ phận viên chức chưa khai thác và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học và giáo dục học sinh, chưa nắm bắt tốt nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông 2018. Việc đổi mới quản lý, đổi mới dạy học chưa đạt được kết quả mong muốn; phương thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm chưa phong phú.

Một số học sinh trong trường là con em nông dân, lao động nghèo, dân tộc thiểu số, trình độ dân trí còn hạn chế nên sự quan tâm của phụ huynh chưa nhiều.

**II. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ**

**1. Công tác chỉ đạo điều hành**

Thực hiện Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT, ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Thực hiện theo công văn số 141/PGDĐT, ngày 13/3/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song về việc khảo sát mức độ

chuyển đổi số tại cơ sở giáo dục.

Thực hiện Kế hoạch số 295/KH-PGDĐT, ngày 04/5/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song về triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các nhà trường năm học 2022-2023.

## 2. Một số kết quả nổi bật về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

- Nhà trường đã có mạng wifi cung cấp miễn phí cho cán bộ, giáo viên và học sinh.
- Triển khai 100 % giáo viên cập nhật CSDL ngành, phần mềm quản lý.
- Nhà trường triển khai hình thức dạy học trực tuyến, dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp.

## 3. Một số kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cụ thể:

Nội dung	Trả lời	
<b>3.1.Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá</b>		
<b>Kết quả triển khai hình thức dạy học trực tuyến, dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp:</b>		
Duy trì sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS)	Có	
Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên phòng máy tính	Có	
Tổng số học liệu (được người đứng đầu CSGD phê duyệt theo bậc học) hiện có bao nhiêu?	5	
Học liệu năm học 2022-2023 xây dựng được: .... học liệu	5	
<b>3.2. Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới phương thức quản trị CSGD và quản lý nhà nước về giáo dục</b>		
Triển khai phần mềm quản trị trường học	Có	
Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		Không
Triển khai chữ ký số	Có	
Số giáo viên đã được cấp chữ ký số: ..... giáo viên	01	
Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		Không
<b>3.3. Hạ tầng, thiết bị phục vụ dạy tin học, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số</b>		
Có mạng wifi cung cấp miễn phí cho cán bộ, giáo viên và học sinh	Có	
Có phòng phát triển học liệu (phòng studio)	Có	
Đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học theo mức nào (1, 2 hoặc 3)	2	
<b>3.4. Việc tổ chức triển khai công tác báo cáo thống kê CSDL</b>		
Báo cáo thống kê kỳ đầu năm (Đúng hạn, trễ hạn)	Đúng hạn	

Báo cáo thống kê kỳ cuối năm (Đúng hạn, trễ hạn)	Đúng hạn	
<b>3.5. Phát triển nguồn nhân lực số phục vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số</b>	Số lượng	Tỉ lệ
-Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến	37/38	97,3 %
Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thiết kế bài giảng e- Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số	5/38	13,15%
Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị	3/38	7,8%
Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin	3/38	7,8%

STT	Nhóm tiêu chí	Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1)		Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2)		Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Chuyển đổi số trong dạy, học			15/38	39,4 %		
2	Chuyển đổi số trong quản trị CSGD			37/38	97,3 %		

#### 1. Khó khăn, vướng mắc

-Đường truyền mạng wifi cung cấp miễn phí cho cán bộ, giáo viên và học sinh chưa đảm bảo cho tất cả các phòng học.

-Một số giáo viên chưa được tập huấn kỹ năng sử dụng phần mềm quản trị.

Đề xuất, kiến nghị.

#### 4. Dự kiến nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chính về triển khai ứng dụng CNTT năm học 2023-2024

+ Thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ việc dạy - học, kiểm tra, đánh giá, học sinh), tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

+ Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi

trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

### **5. Đề xuất, kiến nghị**

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy- học, tạo cơ hội học tập cho giáo viên và học sinh.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Đoàn Trung Quế**

**Kéo xuống dưới Kèm phụ lục cuối trang**

## PHỤ LỤC

### BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Nội dung	Kết quả hội đồng tự đánh giá (các trường Tiểu học và Trung học cơ sở)													
		Chuyển đổi số trong dạy, học (100 điểm)							Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục (100 điểm)				Điểm Dạy học	Điểm Quản trị	Tổng
	Tên đơn vị	1.1 (có/không)	1.2 (có/không)	1.3 (30 đ)	1.4 (10đ)	1.5 (20đ)	1.6 (20 đ)	1.7 (20đ)	2.1 (có/khôn g)	2.2 (có/khôn g)	2.3 (70 đ)	2.4(30đ)			
1	Trường	có	có	20	6		20	20	có	có	40	30	<b>66</b>	<b>70</b>	<b>136</b>